



Báo cáo Tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Đã được kiểm toán)

A member of  International

aasc.com.vn

AASC AUDITING FIRM

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại ("Công ty") tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ Thương mại được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 05/11/2004 và 1311/QĐ-BTM ngày 28/04/2005 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107691 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và giấy đăng ký thay đổi lần 16 ngày 21 tháng 09 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Kim Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Tình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Nguyễn Thế Hình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Nguyễn Xuân Tường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Đỗ Ngọc Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017
Bà Trần Thị Thời	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Vũ Thanh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Võ Tá Sửu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Đỗ Ngọc Tiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/07/2017
Ông Nguyễn Văn Tình	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Thơm	Trưởng ban
Ông Cao Việt Tuấn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Tân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;

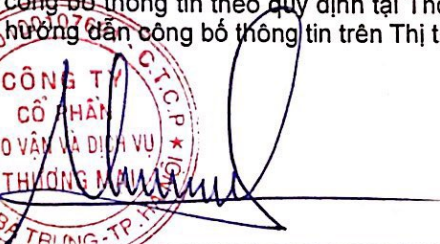
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.




Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại được lập ngày 10/03/2018, từ trang 06 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để có thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với các vấn đề sau:

- ▶ Công ty đang sử dụng kho bãi với mục đích sử dụng và cho thuê hoạt động. Tuy nhiên, Công ty chưa tách riêng phần giá trị (diện tích) tài sản cho thuê sang theo dõi trên chỉ tiêu "Bất động sản đầu tư" theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải phân loại lại các chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" và "Bất động sản đầu tư" tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017 hay không.
- ▶ Chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty chỉ bao gồm giá mua hàng hóa của hoạt động bán hàng. Các chi phí khác như chi phí vận chuyển của hoạt động giao nhận vận tải, chi phí khấu hao tài sản cố định liên quan đến hoạt động cho thuê kho bãi đang được trình bày trong chỉ tiêu "Chi phí bán hàng". Chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải phân loại lại các chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ" và "Chi phí bán hàng" trong năm 2016 và năm 2017 hay không.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đang trình bày chưa phù hợp các vấn đề sau:

- ▶ Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty TNHH MTV Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam với số tiền 1.000.000.000 VND và số cần phải trích lập này không thay đổi trong năm 2017. Nếu Công ty trích lập khoản này thì chỉ tiêu “Đầu tư tài chính dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán riêng sẽ giảm đi 1.000.000.000 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng lên và “Lợi nhuận trước thuế” sẽ giảm đi số tiền tương ứng.
- ▶ Công ty chưa loại trừ doanh thu và giá vốn nội bộ phát sinh giữa văn phòng Công ty mẹ và hai chi nhánh hạch toán phụ thuộc Hà Nội, Hải Phòng trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016, 2017 với giá trị lần lượt là 3.716.392.456 VND và 4.366.883.236 VND. Theo đó, chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và 2017 đang phản ánh cao hơn thực tế số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		54.530.697.386	77.192.677.944
110	I. Tiền và và tương đương tiền	3	4.159.148.574	17.002.852.597
111	1. Tiền		4.159.148.574	7.002.852.597
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.324.030.277	32.660.840.092
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	23.262.382.773	26.426.412.820
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.629.243.163	4.873.255.851
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.425.359.179	2.003.444.272
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(992.954.838)	(642.272.851)
140	IV. Hàng tồn kho	8	21.047.518.535	27.140.093.960
141	1. Hàng tồn kho		21.598.738.535	27.691.313.960
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(551.220.000)	(551.220.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	388.891.295
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	381.767.845
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	7.123.450
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.757.139.895	22.438.100.367
220	II. Tài sản cố định		19.791.499.994	19.320.762.632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	12.148.270.094	11.639.782.732
222	- Nguyên giá		30.070.575.745	28.716.453.292
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.922.305.651)	(17.076.670.560)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	7.643.229.900	7.680.979.900
228	- Nguyên giá		7.771.979.900	7.771.979.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(128.750.000)	(91.000.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.151.511.640	2.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.909.028.905	2.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(757.517.265)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		814.128.261	1.117.337.735
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	814.128.261	1.117.337.735
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		76.287.837.281	99.630.778.311

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		48.171.961.256	70.480.540.640
310	I. Nợ ngắn hạn		48.171.961.256	70.480.540.640
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	5.416.633.199	4.111.627.808
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.012.000	290.651.480
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.379.305.657	15.631.876.996
314	4. Phải trả người lao động		1.107.758.218	2.532.784.769
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	257.705.809	12.627.405.830
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	38.006.546.373	35.286.193.757
400	B. NGUỒN VỐN		28.115.876.025	29.150.237.671
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	28.115.876.025	29.150.237.671
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		23.504.000.000	23.504.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		23.504.000.000	23.504.000.000
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		339.668.507	108.668.507
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.272.207.518	5.537.569.164
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.272.207.518	5.537.569.164
	440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		76.287.837.281	99.630.778.311



Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Trường Giang
Người lập biểu

Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	176.866.389.936	181.154.270.741
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		176.866.389.936	181.154.270.741
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20	126.708.305.987	126.806.877.906
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.158.083.949	54.347.392.835
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		16.573.505	1.067.878.406
22	7. Chi phí tài chính	21	4.432.208.212	3.126.657.244
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.672.776.470	2.252.474.890
25	8. Chi phí bán hàng	22	33.598.064.210	38.129.239.853
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.913.604.413	10.477.331.310
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.230.780.619	3.682.042.834
31	11. Thu nhập khác	24	572.753.655	61.665.569.893
32	12. Chi phí khác	25	151.819.583	-
40	13. Lợi nhuận khác		420.934.072	61.665.569.893
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.651.714.691	65.347.612.727
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	1.379.507.173	13.190.555.981
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>4.272.207.518</u>	<u>52.157.056.746</u>



Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Trường Giang
Người lập biểu

Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.651.714.691	65.347.612.727
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định		1.717.896.594	1.636.038.704
03	Các khoản dự phòng		1.108.199.252	642.272.851
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(129.907.856)	(62.365.707.293)
06	Chi phí lãi vay		3.672.776.470	2.252.474.890
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.020.679.151	7.512.691.879
09	Giảm các khoản phải thu		2.350.433.154	48.564.664.178
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		6.092.575.425	(2.532.197.221)
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.424.326.418)	(41.534.340.582)
12	Giảm chi phí trả trước		303.209.474	565.749.848
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.672.776.470)	(2.252.474.890)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.185.888.705)	(4.512.861.728)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(262.560.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.778.654.389)	5.811.231.484
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.468.559.504)	(3.276.444.546)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		418.181.818	25.231.144.992
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	36.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(654.683.446)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.090.971.095	661.170.263
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.573.505	726.959.400
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(942.833.086)	58.688.146.663
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		89.795.940.979	102.418.573.473
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(87.075.588.363)	(114.273.778.139)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.842.569.164)	(52.398.966.427)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.122.216.548)	(64.254.171.093)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.843.704.023)	245.207.054
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	17.002.852.597	16.757.645.543
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	4.159.148.574	17.002.852.597



Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Trường Giang
Người lập biểu

Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại ("Công ty") tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ Thương mại được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 05/11/2004 và 1311/QĐ-BTM ngày 28/04/2005 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107691 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và giấy đăng ký thay đổi lần 16 ngày 21 tháng 09 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 23.504.000.000 VND, tương ứng với 2.350.400 cổ phần phổ thông, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2017 bao gồm:

- ▶ Kinh doanh dầu mỡ bôi trơn, dầu hoá dẻo, dung môi cung cấp cho các nhà máy sản xuất trong các lĩnh vực cơ khí, nhựa, xi măng, sắt thép, thủy điện, nhiệt điện, giấy, bao bì, giấy dếp, cao su...; kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su tổng hợp, các sản phẩm sảm lớp ô tô, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng...;
- ▶ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải như: đại lý làm thủ tục hải quan; vận tải, đại lý giao nhận vận tải trong nước và quốc tế; vận tải quá cảnh, chuyển khẩu, môi giới tàu biển, dịch vụ cảng;
- ▶ Kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng làm việc.

Cấu trúc Công ty

	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng Công ty tại Hà Nội	Số 473, phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm dầu mỡ, sản phẩm cao su tổng hợp, các sản phẩm sảm lớp ô tô, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng..., dịch vụ giao nhận vận chuyển, cho thuê kho bãi
Chi nhánh số 2 tại Hà Nội	Số 473, phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh dầu mỡ bôi trơn, dầu hoá dẻo, dung môi, sản phẩm sảm lớp ô tô
Chi nhánh số 2 tại Hải Phòng	Số 52 Trần Khánh Dư, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh sản phẩm dầu mỡ, dịch vụ giao nhận vận chuyển, cho thuê kho bãi
Chi nhánh tại Bình Dương	Số 1/555, đường Thuận Giao 20, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Bình Dương	Kinh doanh sản phẩm dầu mỡ, phụ tùng, sảm, lớp ô tô; dịch vụ giao nhận vận chuyển, cho thuê kho bãi

Thông tin về các công ty con xem tại Thuyết minh số 11.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- ▶ Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- ▶ Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- ▶ Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền năm.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05-25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04-10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06-10 năm
▶ Thiết bị văn phòng	03-08 năm
▶ Các tài sản khác	03-08 năm
▶ Phần mềm quản lý	03 năm
▶ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.9 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm, cụ thể đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- ▶ Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- ▶ Chi phí đi vay vốn;
- ▶ Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	718.883.546	1.113.539.468
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.440.265.028	5.889.313.129
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<u>4.159.148.574</u>	<u>17.002.852.597</u>

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Cao su INOUE Việt Nam	2.972.752.200	-	2.867.502.000	-
Công ty CP Cao su Sao Vàng	1.205.746.960	-	1.087.005.920	-
Công ty TNHH Cao Su - Nhựa Thanh Bình	1.148.092.000	-	342.098.900	-
Công ty CP xăng dầu chất đốt Hà Nội	996.525.200	-	1.931.639.600	-
Chi nhánh Công ty CP ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên	642.356.000	-	1.736.570.000	-
- Nhà máy ô tô Cửu Long	-	-	1.022.384.000	-
Công ty TNHH Giấy Dona Standard Việt Nam	16.296.910.413	(992.954.838)	17.439.212.400	(642.272.851)
Khác				
	23.262.382.773	(992.954.838)	26.426.412.820	(642.272.851)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
PTT Public Company Limited	3.330.948.232	-	-	-
Toyota Energy Corporation	1.198.189.910	-	-	-
Toyota Tsusho Energy(Thailand) Ltd	915.029.946	-	-	-
Công ty H&R GSP Co . LTD	-	-	1.874.287.384	-
Công ty TNHH MTV Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam	-	-	1.738.846.771	-
Khác	185.075.075	-	1.260.121.696	-
	5.629.243.163	-	4.873.255.851	-
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 31)				
	-	-	1.738.846.771	-

6. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	112.325.041	-	219.169.011	-
Tạm ứng	870.360.453	-	643.993.045	-
Các khoản chi hộ	396.056.988	-	839.362.423	-
Quỹ khen thưởng	46.616.697	-	17.056.697	-
phúc lợi chi quá				
Khác	-	-	283.863.096	-
	1.425.359.179	-	2.003.444.272	-

7. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.060.428.675	67.473.837	642.272.851	-
	1.060.428.675	67.473.837	642.272.851	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	21.598.738.535	(551.220.000)	27.691.313.960	(551.220.000)
	21.598.738.535	(551.220.000)	27.691.313.960	(551.220.000)

Số trích lập dự phòng được Công ty đánh giá năm 2015 cho một số mặt hàng dầu Fuchs, dầu PTT,... chậm luân chuyển, kém phẩm chất với tổng giá gốc là 3.299.443.818 VND.

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại
Số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	18.996.852.436	1.529.762.810	7.997.326.010	84.723.850	107.788.186	28.716.453.292
Mua trong năm	2.639.335.454	-	-	31.000.000	-	2.670.335.454
Thanh lý	-	-	(710.234.546)	-	-	(710.234.546)
Điều chuyển góp vốn	-	-	(605.978.455)	-	-	(605.978.455)
Tại ngày 31/12/2017	21.636.187.890	1.529.762.810	6.681.113.009	115.723.850	107.788.186	30.070.575.745
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	13.429.240.875	1.136.211.468	2.364.072.968	58.371.094	88.774.155	17.076.670.560
Khấu hao trong năm	746.049.430	124.304.304	788.136.559	14.812.029	6.844.272	1.680.146.594
Thanh lý	-	-	(405.387.079)	-	-	(405.387.079)
Điều chuyển góp vốn	-	-	(429.124.424)	-	-	(429.124.424)
Tại ngày 31/12/2017	14.175.290.305	1.260.515.772	2.317.698.024	73.183.123	95.618.427	17.922.305.651
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	5.567.611.561	393.551.342	5.633.253.042	26.352.756	19.014.031	11.639.782.732
Tại ngày 31/12/2017	7.460.897.585	269.247.038	4.363.414.985	42.540.727	12.169.759	12.148.270.094

- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm có đảm bảo các khoản vay: 3.664.630.714 VND
- ▶ Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.375.167.559 VND

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất (*) VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	166.500.000	7.605.479.900	7.771.979.900
Tại ngày 31/12/2017	166.500.000	7.605.479.900	7.771.979.900
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	91.000.000	-	91.000.000
Khấu hao trong năm	37.750.000	-	37.750.000
Tại ngày 31/12/2017	128.750.000	-	128.750.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	75.500.000	7.605.479.900	7.680.979.900
Tại ngày 31/12/2017	37.750.000	7.605.479.900	7.643.229.900

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại số 1/555 khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	535.497.862	1.033.111.499
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	270.524.763	66.962.600
Khác	8.105.636	17.263.636
	814.128.261	1.117.337.735

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	909.028.905	(757.517.265)	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Dầu nhờn CNLUBE Việt Nam	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam				
	1.909.028.905	(757.517.265)	2.000.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với các công ty chưa niêm yết.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động khi doanh chính
Công ty TNHH Dầu nhờn CNLube Việt Nam	20 Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	Kinh doanh dầu S-oil
Công ty TNHH MTV Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam	B10, Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ, dầu chuyên dụng, dầu hóa dẻo cao su, dung môi hóa chất các loại; Kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, thuê và cho thuê nhà xưởng, văn phòng; Kinh doanh vận tải và dịch vụ giao nhận vận tải trong nước, quốc tế;

13. Phải trả người bán ngắn hạn.

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Giang	2.294.407.500	2.294.407.500	-	-
Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	619.301.100	619.301.100	-	-
Công ty TNHH MTV Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam	541.312.605	541.312.605	-	-
Công ty TNHH TM DV Vận tải Giáp Thành	384.780.000	384.780.000	467.555.000	467.555.000
Công ty CP dầu nhờn Quốc tế Việt Mỹ	141.166.576	141.166.576	1.165.954.589	1.165.954.589
Công ty TNHH Đặng Ngọc Hưng	500	500	1.266.829.250	1.266.829.250
Khác	1.435.664.918	1.435.664.918	1.211.288.969	1.211.288.969
	5.416.633.199	5.416.633.199	4.111.627.808	4.111.627.808

b) Phải trả người bán là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 31)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Năm 2017		31/12/2017	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	81.177.006	10.059.244.836	10.600.593.620	-	622.525.790
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.014.387.072	1.014.387.072	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.250.606.591	11.185.888.705	1.379.507.173	-	1.444.225.059
Thuế thu nhập cá nhân	7.123.450	3.166.934.250	3.557.529.314	801.669.883	-	403.951.369
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.130.522.254	2.352.874.634	2.128.318.924	-	905.966.544
Các loại thuế khác	-	2.636.895	4.000.000	4.000.000	-	2.636.895
	7.123.450	15.631.876.996	28.173.924.561	15.928.476.672	-	3.379.305.657

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	01/01/2017		Năm 2017		31/12/2017	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	31.181.193.757	31.181.193.757	86.911.165.979	83.195.813.363	34.896.546.373	34.896.546.373
Vay các cá nhân (ii)	4.105.000.000	4.105.000.000	2.884.775.000	3.879.775.000	3.110.000.000	3.110.000.000
	35.286.193.757	35.286.193.757	89.795.940.979	87.075.588.363	38.006.546.373	38.006.546.373

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

- i) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng vay cụ thể có thời hạn dưới 12 tháng nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm vay. Lãi suất nợ quá hạn 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp các tài sản sau:
 - ▶ Thế chấp tài sản là Xe ô tô con Mercedes Benz, mang biển kiểm soát số 30A-710.26 trị giá 1.912.207.273 VND theo hợp đồng thế chấp số NHoHN-VNT/01/2015 ký ngày 01/07/2015;
 - ▶ Thế chấp tài sản là Xe ô tô con Ford Everest, mang biển kiểm soát số 30A-361.55 trị giá 795.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số NHoHN-VNTC/220116 ký ngày 22/01/2016;
 - ▶ Thế chấp tài sản là xe ô tô con Hyundai, mang biển kiểm soát số 30E-306.94 trị giá 1.390.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số NHoHN-VNTC/220116 ký ngày 22/01/2016;
 - ▶ Thế chấp tài sản là ô tô Ford Ranger, mang biển kiểm soát số 29H-045.11 trị giá: 810.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 34/HĐTC ký ngày 03/04/2017.
- ii) Vay cá nhân là các khoản vay cán bộ công nhân viên Công ty nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay vốn 6%/năm, lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Lãi suất có thể thay đổi từng năm theo quyết định của Tổng giám đốc Công ty.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.536.988	17.211.568
Ông Phạm Quốc Hưng (*)	-	12.500.000.000
Khác	250.168.821	110.194.262
	257.705.809	12.627.405.830

(*) Khoản tiền ứng trước của ông Phạm Quốc Hưng cho giao dịch mua bán khu đất tại Bình Dương nhưng năm 2017 trả lại do 2 bên hủy giao dịch.

17. Vốn chủ sở hữu

a) Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	23.504.000.000	2.813.552.005	5.599.414.379	31.916.966.384
Lợi nhuận năm trước	-	-	52.157.056.746	52.157.056.746
Chia cổ tức năm 2015	-	-	(4.588.343.977)	(4.588.343.977)
Tạm chia cổ tức năm 2016 (*)	-	-	(46.137.639.464)	(46.137.639.464)
Trích lập các quỹ (*)	-	769.646.053	(1.277.209.494)	(507.563.441)
Chi thù lao HĐQT	-	-	(214.710.060)	(214.710.060)
Giảm khác	-	(3.474.529.551)	(998.966)	(3.475.528.517)
Tại ngày 01/01/2017	23.504.000.000	108.668.507	5.537.569.164	29.150.237.671
Lợi nhuận năm nay	-	-	4.272.207.518	4.272.207.518
Chia cổ tức (*)	-	-	(4.842.569.164)	(4.842.569.164)
Trích lập các quỹ (*)	-	231.000.000	(464.000.000)	(233.000.000)
Chi thù lao HĐQT (*)	-	-	(231.000.000)	(231.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	23.504.000.000	339.668.507	4.272.207.518	28.115.876.025

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 23/04/2016 và Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 21/04/2017, lợi nhuận sau thuế năm 2016 được phân phối như sau:

- Năm 2016: Tạm chi trả cổ tức bằng tiền từ chuyển nhượng tài sản là 186% vốn điều lệ với số tiền 46.137.639.464 VND và trích lập quỹ khen thưởng số tiền 233.018.381 VND.
- Năm 2017: Chi trả cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 21% vốn điều lệ, trích lập các quỹ và chi thù lao Hội đồng Quản trị không quá 5% lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Nguyễn Văn Xuân	11.987.040.000	51,0%	41.860.000	0,2%
Nguyễn Kim Cương	724.860.000	3,1%	604.860.000	2,6%
Lê Minh Đức	705.120.000	3,0%	-	0,0%
Nguyễn Thị Hoàng	-	0,0%	2.316.100.000	9,8%
Cổ đông khác	10.086.980.000	42,9%	20.541.180.000	87,4%
	23.504.000.000	100,0%	23.504.000.000	100,0%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	23.504.000.000	23.504.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	23.504.000.000	23.504.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(5.537.569.164)	(52.218.901.961)
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước (*)	(5.537.569.164)	(5.848.244.116)
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	(46.370.657.845)

(*) Số liệu năm 2016 bao gồm: lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty mẹ là 5.599.414.379 VND và lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty con – Công ty TNHH Dầu nhờn CNLube Việt Nam chuyển về trong năm 2016 số tiền 248.829.737 VND.

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.350.400	2.350.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.350.400	2.350.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ - USD	1.329,04	5.108,04

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Dương Việt Nhật	69.196.013	69.196.013
Công ty Luxury Việt Nam	20.348.250	20.348.250
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	70.662.592	70.662.592
Công ty TNHH MTV Ô tô 1-5	73.184.700	73.184.700
Công ty TNHH MTV Kim Long Tấn Bình Dương	362.385.000	362.385.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Phát triển	318.882.200	318.882.200
Nông thôn Thanh Hương		
Công ty TNHH Thép Việt Hà	5.111.650.760	5.111.650.760
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hải Yến	3.362.332.600	3.362.332.600
Công ty CP Giải pháp Deli Quốc tế	145.123.655	145.123.655
Công ty CP Thép Đình Vũ	176.780.344	176.780.344
Công ty TNHH Sản xuất và DVTM Đại Phát	812.495.000	812.495.000
	10.523.041.114	10.523.041.114

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán hàng hóa	156.038.221.094	159.391.309.900
Cung cấp dịch vụ	20.828.168.842	21.762.960.841
	176.866.389.936	181.154.270.741
Trong đó, Doanh thu với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 31)</i>	9.622.912.782	5.882.585.000

20. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán hàng hóa	126.708.305.987	126.806.877.906
	126.708.305.987	126.806.877.906

21. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.672.776.470	2.252.474.890
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con	757.517.265	-
Khác	1.914.477	874.182.354
	4.432.208.212	3.126.657.244

22. Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.038.228.859	12.661.092.491
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	849.315.801	1.147.658.532
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.000.608.962	707.443.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.466.249.129	1.244.720.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.384.166.541	16.089.155.671
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp, lưu kho	10.989.857.213	11.817.373.964
- Tiền thuê đất	1.912.300.283	2.203.353.360
- Khác	2.482.009.045	2.068.428.347
Chi phí khác	4.859.494.918	6.279.168.772
	33.598.064.210	38.129.239.853

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.508.646.240	7.391.928.078
Chi phí vật liệu quản lý	78.239.304	356.282.316
Chi phí dụng cụ quản lý	218.054.727	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.647.465	345.618.221
Chi phí dự phòng	350.681.987	642.272.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.459.794	569.829.273
Chi phí khác	1.027.874.896	1.171.400.571
	6.913.604.413	10.477.331.310

24. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định, đất thuê (*)	113.334.351	61.638.747.893
Thu các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	459.419.304	-
Thu nhập khác	-	26.822.000
	572.753.655	61.665.569.893

(*) Thu nhập năm 2016 là từ chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê tại 35 Trần Khánh Dư, Ngõ Quyền, Hải Phòng cho Công ty cổ phần Du lịch Khách sạn Hải Đăng.

25. Chi phí khác

Là khoản tiền phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính.

26. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.651.714.691	65.347.612.727
Các khoản điều chỉnh tăng <i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	1.245.821.176	853.996.915
Các khoản điều chỉnh giảm <i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	-	(248.829.737)
Thu nhập tính thuế	6.897.535.867	65.952.779.905
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.379.507.173	13.190.555.981
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	11.250.606.591	2.572.912.338
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(11.185.888.705)	(4.512.861.728)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.444.225.059	11.250.606.591

27. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	927.555.105	2.211.384.752
Chi phí nhân công	14.546.875.099	20.053.020.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.717.896.594	1.636.038.704
Chi phí dự phòng	350.681.987	642.272.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.862.626.335	16.658.984.944
Chi phí khác bằng tiền	7.106.033.503	7.450.569.333
	40.511.668.623	48.652.271.153

28. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.159.148.574	-	17.002.852.597	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.687.741.952	(992.954.838)	28.429.857.092	(642.272.851)
	28.846.890.526	(992.954.838)	45.432.709.689	(642.272.851)

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	38.006.546.373	35.286.193.757
Phải trả người bán, phải trả khác	5.674.339.008	16.739.033.638
	43.680.885.381	52.025.227.395

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.159.148.574	-	-	4.159.148.574
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.694.787.114	-	-	23.694.787.114
	27.853.935.688	-	-	27.853.935.688
01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.002.852.597	-	-	17.002.852.597
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.787.584.241	-	-	27.787.584.241
	44.790.436.838	-	-	44.790.436.838

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017				
Vay và nợ	38.006.546.373	-	-	38.006.546.373
Phải trả người bán, phải trả khác	5.674.339.008	-	-	5.674.339.008
	43.680.885.381	-	-	43.680.885.381
01/01/2017				
Vay và nợ	35.286.193.757	-	-	35.286.193.757
Phải trả người bán, phải trả khác	16.739.033.638	-	-	16.739.033.638
	52.025.227.395	-	-	52.025.227.395

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dầu nhờn, dung môi hóa dẻo chủ yếu diễn ra tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý theo lĩnh vực kinh doanh.

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.570.766.840	5.721.855.000
		Mua hàng và cung cấp dịch vụ	2.091.494.090	1.419.942.694

	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH Dầu nhờn CNLube Việt Nam	Công ty con	Bán hàng	8.052.145.942	160.730.000
		Mua hàng	3.332.864.252	-
		Thu hồi vốn góp	1.090.971.095	2.631.506.935
		Chi hộ	63.273.355	-
		Góp vốn	1.000.000.000	654.683.446
Đỗ Ngọc Tiến	Cổ đông công ty	Vay	-	150.000.000
		Trả tiền vay	-	150.000.000
		Trả lãi vay	-	1.750.000
Nguyễn Văn Tình	Cổ đông công ty	Vay	-	1.000.000.000
		Trả tiền vay	500.000.000	-
		Trả lãi vay	45.166.667	30.000.000
Trần Thị Thời	Cổ đông công ty	Vay	550.000.000	1.650.000.000
		Trả tiền vay	900.000.000	1.400.000.000
		Trả lãi vay	27.466.666	30.729.445
Vũ Thanh Hà	Cổ đông công ty	Vay	-	1.300.000.000
		Trả tiền vay	-	1.300.000.000
		Trả lãi vay	-	24.880.000
Nguyễn Thị Tân	Cổ đông công ty	Vay	50.000.000	160.000.000
		Trả tiền vay	40.000.000	190.000.000
		Trả lãi vay	1.733.333	6.140.833
Tạ Quang Hải	Cổ đông công ty	Vay	300.000.000	170.000.000
		Trả tiền vay	300.000.000	270.000.000
		Trả lãi vay	14.398.334	14.730.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	Khoản mục	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam	Công ty con	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	1.738.846.771
		Phải trả người bán ngắn hạn	541.312.605	-
Công ty TNHH Dầu nhờn CNLube Việt Nam	Công ty con	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	273.197.000
Nguyễn Văn Tình	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	500.000.000	1.000.000.000
Trần Thị Thời	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	-	350.000.000
Nguyễn Thị Tân	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	60.000.000	50.000.000
Tạ Quang Hải	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	170.000.000	170.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	595.706.000	470.772.000
Thu nhập của các thành viên quản lý khác trong Ban Tổng Giám đốc và thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.497.003.000	1.328.446.000
	<u>2.092.709.000</u>	<u>1.799.218.000</u>


32. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.


33. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 10 tháng 03 năm 2018.




Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Đỗ Trường Giang
Người lập biểu


Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018